

IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

1. Kết luận

Qua kết quả nghiên cứu tuyển chọn các giống dong riêng triển vọng tại huyện Đà Bắc tỉnh Hòa Bình cho thấy: Hầu hết các giống triển vọng đều sinh trưởng tốt và cho năng suất vượt giống địa phương (giống đối chứng).

Đặc biệt có 2 giống V-CIP và Số 49 sinh trưởng khỏe, tính chống đổ và chống chịu sâu bệnh tốt, tỷ lệ tinh bột khô > 15% và năng suất tinh bột cao (8,26-7,28 tấn/ha).

2. Đề nghị

Tiếp tục thử nghiệm sản xuất 2 giống dong riêng V-CIP và Số 49 tại các vùng trồng dong riêng huyện Đà Bắc, Hòa Bình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lý Ban, 1963. *Cây khoai riêng*, NXB Nông thôn
2. Mai Thạch Hoàn, Nguyễn Công Vinh, 2003. *Giống và kỹ thuật thâm canh cây có củ*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội. Tr.174-175.
3. Nguyễn Ngọc Huệ, Đinh Thế Lộc, 2005. *Cây có củ và kỹ thuật thâm canh, Q.8. Dong riêng và cây có củ khác*. NXB Lao động xã hội. Tr.7-27.
4. Nguyễn Thị Ngọc Huệ và CS, 2006. Kết quả nghiên cứu bảo tồn và sử dụng tài nguyên di truyền cây có củ giai đoạn 2001-2005, trong *Tạp chí Nông nghiệp và nông thôn*, số 18 tr.39-43
5. Hermann, M. et al. 2007. *Crop growth and starch productivity of edible canna*.

Người phản biện:

TS. Phạm Xuân Liêm

HIỆN TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÂY CÓ MÚI TẠI HUYỆN HOÀI ĐỨC, HÀ NỘI

Nguyễn Thị Thu Thủy, Nguyễn Thị Ngọc Huệ,
Nguyễn Khắc Quỳnh

SUMMARY

Status and solutions for Citrus production development at Hoai Duc district, Ha Noi

The Hoai Duc district has suitable nature condition for developing the *Citrus* fruits production to supply with Ha Noi Capital population and tourists. At present, in Hoai Duc there are 16 varieties belong to 8 species of *Citrus* and *Fortunella* genus to be cultivated under more 500 ha, among them buoi Dien, cam Canh, buoi duong Dong la, buoi duong Que Duong and phat thu being special and valued varieties. The assessment result showed that, although in Citrus production there are many advantages and opportunities but still having some obstacles and challenges have to be overcome before climate change and urbanization. This paper presents the status and recommended solution system for sustainably development of Citrus production at Hoai Duc district, contributing to increasing income of Hanoi agricultural community.

Keywords: Citrus spp., Hoai Duc, sustainable production, solutions.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hoài Đức là huyện có tốc độ đô thị hóa nhanh, nông dân các xã vùng bãi ven sông

đây vốn có nhiều kinh nghiệm, truyền thống thâm canh các loại cây ăn quả chất lượng cao vẫn duy trì sản xuất một số giống cây có múi ổn định. Đất đai Hoài Đức rất thích hợp cho việc phát triển các vùng

chuyên canh cây ăn quả, đặc biệt nơi đây đã và đang phát triển sản xuất một số giống cây có múi đặc sản như cam Canh, bưởi Diễn, phật thủ và hàng chục nguồn gen bưởi mới được phát hiện, làm phong phú thêm bộ giống cây ăn quả chất lượng cao ở địa phương.

Khó khăn trong sản xuất cây có múi đặc sản ở Hoài Đức là phát triển tự phát, chưa có sự quản lý và định hướng thống nhất, thị trường tiêu thụ chưa ổn định. Hộ trồng bưởi Diễn, cam Canh còn có bất cập do năng suất, chất lượng quả không ổn định vì bị sâu bệnh, thiếu kỹ thuật canh tác tiên tiến phù hợp. Góp phần giải quyết những khó khăn này, nghiên cứu đánh giá đúng thực trạng sản xuất cây có múi tại huyện Hoài Đức, từ đó đề xuất các giải pháp đẩy mạnh phát triển cây có múi, tập trung vào cây bưởi, cam Canh và phật thủ ở các vùng đất bãi ven sông một cách có hiệu quả, bền vững, nhằm giữ gìn các nguồn gen quý, góp phần nâng cao thu nhập cho hộ nông dân trồng cây ăn quả trên địa bàn huyện Hoài Đức.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Vật liệu nghiên cứu

Các loại cây ăn quả có múi tại huyện Hoài Đức.

2. Phương pháp nghiên cứu

Các dữ liệu thứ cấp phục vụ cho nghiên cứu được thu thập từ các báo cáo hàng năm của Phòng Thống kê huyện Hoài Đức. Các dữ liệu về hiện trạng phân bố và sản xuất cây có múi được thu thập bằng phương pháp Điều tra nông thôn có sự tham gia của người dân (PRA) với các công cụ: Phỏng vấn nhóm; phỏng vấn có trọng tâm với một số nông dân có kinh nghiệm trồng và tiêu thụ bưởi, quýt, phật thủ lâu năm; quan sát trực tiếp tại vườn và phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức (SWOT) của phát triển sản xuất

cây có múi. Điều tra chi tiết bằng phiếu điều tra với các câu hỏi mở. Tổng số 110 hộ trồng cây có múi tại bốn xã Đắc Sở, Cát Quế, Đông La và Yên Sở thuộc huyện Hoài Đức, Hà Nội đã được phỏng vấn. Phân tích hệ thống được áp dụng để đề xuất giải pháp thúc đẩy sản xuất cây có múi bền vững tại huyện Hoài Đức.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

1. Tổng quan phát triển sản xuất cây có múi ở huyện Hoài Đức, TP Hà Nội

Năm 2007, vùng bãi dọc theo sông Đáy được Chính phủ quy hoạch là vành đai xanh của thành phố Hà Nội. Nhận thấy lợi thế cũng như tiềm năng của vùng bãi sông Đáy, UBND huyện Hoài Đức có chủ trương đầu tư phát triển vùng này thành vùng rau an toàn và cây ăn quả phục vụ nhu cầu tiêu dùng của thủ đô và khách du lịch trong và ngoài nước. Vì thế, một số xã dọc bờ sông Đáy như Cát Quế, Đắc Sở, Đông La, Dương Liễu... người dân đã mạnh dạn đầu tư phát triển thành vùng cây ăn quả có múi như cam Canh, cam Vinh, phật thủ, bưởi đường và đặc biệt bưởi Diễn với quy mô mỗi xã từ 30-50 ha.

Tính đến năm 2010, Hoài Đức có hơn 4.000ha đất nông nghiệp thì có hơn 600ha cây ăn quả các loại, trong đó tổng diện tích trồng cây có múi là 538ha, chiếm hơn 89% tổng diện tích cây ăn quả phân bố tại 16/20 xã, thị trấn của huyện. Cơ cấu giống tập trung bưởi Diễn (50%) cam Canh (19,9%), bưởi đường Đông La, Quế Dương (10,3%) và phật thủ (5,8%) nhưng quy mô diện tích phân bố không đều tại các xã của huyện. Những xã định hướng vùng chuyên canh cây quả có múi là xã Đông La: Có thương hiệu bưởi đường Đông La, bưởi Diễn và cam Canh đang phát triển mạnh. Xã Cát Quế có diện tích trồng cây có múi 89,9ha với nhiều nguồn gen bưởi quý, trong đó

bưởi Diễn chiếm 66,9ha, đặc biệt có bưởi Quế Dương đang được sản xuất với quy mô gần 10ha. Xã Đắc Sở có 75ha trồng cây ăn quả, với diện tích trồng cam Canh 37ha, phật thủ 23,4ha và bưởi Diễn 15ha cho giá trị cao. Xã Yên Sở là nơi trồng nhiều loại, giống cây có múi nhất huyện (Bảng 1).

Bảng 1. Diện tích cây ăn quả có múi ở một số xã của Hoài Đức năm 2010 (ha)

Chủng loại	Cát Quế	Đắc Sở	Đông La	Yên Sở	Toàn huyện
Cây có múi các loại	89,9	74,5	98,0	28,5	538
Bưởi Diễn	66,9	15,0	22,0	20,0	269,0
Bưởi đường các loại	16,0	0	31,0	1,0	55,5
Quýt Canh/ Cam Canh	7,0	37,0	17,0	2,0	107,0
Cam Vinh	0	0	0	1,5	5,5
Phật thủ	0	23,4	0	4,0	31,0
Giống cây có múi khác	Một số cây	Một số cây	28	Một số cây	70,0

Nguồn: Thống kê huyện Hoài Đức 2011

Những năm gần đây, đặc tính về sự ổn định năng suất và chất lượng sản phẩm của bưởi Diễn, cam Canh không còn được như trước. Có nhiều nguyên nhân nhưng đến nay chưa có một nghiên cứu nào đưa ra được giải pháp thực sự phù hợp để mang lại sự ổn định cho năng suất của 2 giống cây này. Điều đó dẫn đến sự không ổn định trong nguồn cung cấp, làm cho giá bưởi Diễn, cam Canh trên thị trường có năm tăng cao, chất lượng sản phẩm chưa đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng. Những nguồn gen bưởi địa phương khác như bưởi Quế Dương, bưởi Đông La có năng suất ổn định, chịu được ngập úng và ít sâu bệnh hại. Nên được người sản xuất quan tâm phát triển mạnh trong vài năm trở lại đây. Nhiều hộ đã mạnh dạn chặt bỏ bớt bưởi Diễn, cam Canh để trồng các giống bưởi này.

2. Thực trạng sản xuất cây có múi của các hộ nông dân

2.1. Cơ cấu chủng loại và giống

Kết quả điều tra cho thấy trên địa bàn huyện Hoài Đức có tới 15 giống thuộc 8 loài của chi *Citrus* và 1 giống quýt thuộc chi *Fortunella* đang được trồng trong các

vườn hộ: Chanh ta (*C. limonia*) có 3 giống; Phật thủ (*C. medica*) 1 giống; Bưởi (*C. grandis*) 5 giống; Cam chanh (*C. sinensis*) 2 giống, quýt (*C. reticulata*) 2 giống và quýt cảnh (*Fortunella japonica*). Theo báo cáo của Trung tâm Tài nguyên thực vật thuộc Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, đã phát hiện tới 12 nguồn gen bưởi địa phương dọc theo vùng sông Đáy thuộc huyện Hoài Đức. Chỉ riêng xã Cát Quế đã phát hiện 3 dòng bưởi chín sớm chất lượng tốt, đặc biệt có dòng bưởi Quế Dương đang được sản xuất với quy mô thương mại gần 10ha. Các nguồn gen quý này có chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh tốt và đặc biệt chín sớm, có thể bổ sung vào cơ cấu giống bưởi trong huyện Hoài Đức và Hà Nội nói chung. Năm 2010, mỗi sào trồng giống bưởi này cho năng suất từ 1,5 - 2 tấn quả/năm, đem lại hiệu quả kinh tế cao. Bưởi Diễn có nguồn gốc xa xưa từ xã Phú Diễn, Từ Liêm, Hà Nội, nhưng nay đã được mở rộng trồng tại Hoài Đức. Phật thủ là giống cây có nguồn gốc từ rừng do các hộ buôn hoa quả ở xã Đắc Sở đưa về trồng. Ban đầu, các hộ chỉ trồng ít, dần dần được nhân rộng thành sản phẩm hàng hóa. Không như cây bưởi phải mất 4-5 năm mới cho thu

hoạch, cây phật thủ phát triển nhanh, chỉ 2-3 năm là cho thu. Hơn nữa, phật thủ ra hoa, đậu quả quanh năm, nên người trồng tháng nào cũng có thu nhập. Từ số liệu ở bảng 2

cho thấy diện tích, tuổi vườn và chủng loại giống cây có múi rất khác nhau giữa các xã và giữa các hộ trong xã.

Bảng 2. Một số tham số về vườn gia đình tại 4 điểm nghiên cứu (Điều tra năm 2010)

Thứ tự	Xã	Số hộ điều tra	Tuổi vườn bình quân (năm)	Diện tích vườn bình quân (m ²)	Tỷ lệ % diện tích đất vườn so với tổng diện tích đất trồng cây có múi	Số loài cây có múi của một vườn	
						Bình quân	Phạm vi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Cát Quế	30	21	750	40	4	1- 5
2	Đắc Sở	30	10	2880	30	2	1- 4
3	Yên Sở	30	7	450	40	2	1- 4
4	Đông La	20	7	360	35	2	1-4

2.2. Điều kiện sản xuất

Diện tích trồng cây có múi của mỗi hộ rất khác nhau trong một xã và giữa các xã, biến động trong khoảng từ 100m² đến 10.000m². Diện tích trung bình vườn thấp nhất ở Yên Sở, cao nhất ở Đắc Sở. Các hộ điều tra đều chủ yếu trồng cây có múi theo kinh nghiệm, học trên sách báo hoặc học hỏi lẫn nhau. Do cây có múi là loại cây không tốn công chăm sóc, quy mô trồng nhỏ và phân tán nên các hộ chỉ sử dụng lao động trong gia đình là chính. Các hộ đều chọn cách trồng thuần là chính, một số ít trồng xen với cây rau, gia vị, cây họ Đậu. Các hộ đều tự túc vốn đầu tư sản xuất, không có hộ nào phải vay vốn.

2.3. Về kỹ thuật nhân giống, trồng và chăm sóc

Ở huyện Hoài Đức hiện nay sử dụng giống cây có múi có hai loại chính, là cây ghép mắt và cây chiết. Các hộ trồng cây có múi chủ yếu vẫn bằng phương pháp chiết cành, rất ít người có khả năng tự ghép mắt. Kỹ thuật chiết cành của đa số người dân cũng còn hạn chế vì thế tỷ lệ cành chiết được đem đi trồng còn sống thấp, ước tính chỉ đạt 60%.

Về sử dụng phân bón: Các hộ thường bón phân chuồng 20-30 kg/gốc cây (tương đương 12,6 - 20,7 tấn/ha). Phân vô cơ chủ yếu là NPK tổng hợp. Thời gian bón từ 3- 4 lần/năm cho Bưởi, lần đầu bón phục hồi cây, lần thứ hai bón đón lộc xuân, lần ba khi quả bắt đầu đậu và lần thứ tư khi quả vào nước (nếu vào mùa mưa thì các hộ không bón phân đợt 4). Đối với cây cam Canh và phật thủ: Bón từ 2- 4 lần/ năm, lần đầu sau khi thu hoạch bón phục hồi cây và lần thứ hai bón nuôi quả. Ngoài ra, tùy theo từng năm và từng tuổi cây mà các hộ gia đình bón thêm các đợt. Tuy nhiên lượng phân vô cơ bón chưa cân đối, ít kali.

Đối với vườn bưởi, hầu hết các hộ trồng bưởi với 550 cây/ha trên nền đất phẳng, không đánh luống có rãnh thoát nước. Điều này ảnh hưởng tới chất lượng cũng như quá trình chăm sóc, điều khiển ra hoa... đặc biệt trong mùa mưa. Còn đối với các vườn cam Canh và phật thủ các hộ trồng đã đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật cơ bản đó là làm luống và có mương để thoát nước cho cây, khoảng cách trồng cũng được phân bố hợp lý khoảng 1200 - 1500 cây/ha đối với cây cam Canh và 600 - 850 cây/ ha đối với cây phật thủ.

Sản xuất cây có múi ở huyện Hoài Đức thuộc loại thâm canh khá. Một số hộ thâm canh đạt trình độ cao đã được Trung tâm khuyến nông, Hội Nông dân chọn đi thi tại các triển lãm. Tuy vậy qua điều tra nhận thấy, trình độ thâm canh giữa các xã và giữa các hộ trong từng xã chưa đồng đều, có rất ít vườn đạt năng suất cũng như thu nhập ổn định từ hoạt động này. Mức độ đầu tư phân bón cho các loại cây có múi khác nhau và còn ở mức thấp so với nhu cầu, thiếu cân đối, đặc biệt là phân Kali. Chính vì thế chất lượng của cây có múi đặc biệt là cây bưởi tại địa phương còn rất hạn chế, ảnh hưởng đến thu nhập của hộ.

Các hộ trồng cây có múi hầu hết năm bắt tốt một số loại sâu bệnh hại chính như: Sâu vẽ bùa (*Phyllosnistis Citrella*), nhện đỏ (*Panonychus Citri*), bệnh loét trên lá và quả (*Xanthomonas Citri*), bệnh chảy nhựa (*Phytophthora citriophthora*), rệp muội (thuộc họ *Aphididae*). Tuy nhiên việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật tại các hộ trồng cây có múi ở đây còn khá nhiều bất cập, đặc biệt đối với cây bưởi Diễn. Nhiều hộ thâm canh bưởi Diễn phun trung bình mỗi tháng một lần. Phun thuốc với mật độ cao như vậy sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe của gia đình và cộng đồng dân cư.

2.4. Về đầu tư chi phí

Cây có múi thường là cây lâu năm, có chu kỳ khai thác dài, lại được trồng cả phân

tán và xen ghép, do đó khó tách được các chi phí đầu tư cho riêng từng loại cây. Trên thực tế, sau khi trồng từ 3 năm cây mới cho thu quả, chi phí chăm sóc trong thời gian này được tính vào giai đoạn kiến thiết cơ bản, các hộ đều có mức đầu tư tương đương nhau. Chu kỳ sản xuất kinh doanh của cây bưởi, cam trung bình khoảng 30 năm. Toàn bộ chi phí thời kỳ kiến thiết cơ bản được coi như nguyên giá vườn cây, sử dụng làm cơ sở để tính mức khấu hao hàng năm trên một đơn vị diện tích. Trong thời kỳ kinh doanh, các hộ chủ yếu sử dụng phân chuồng và lượng phân vô cơ bón cho cây theo tỷ lệ từng đợt bón và theo độ tuổi của cây. Kết quả điều tra và tính toán cho thấy chi phí trung gian của 3 nhóm hộ nghèo, khá, trung bình không chênh lệch nhau nhiều. Trong các hợp phần tạo nên chi phí trung gian thì chi phí bảo vệ thực vật chiếm tỷ trọng lớn nhất. Trung bình 1 tháng các hộ phun vườn bưởi một lần. Bưởi Diễn rất nhạy cảm với các loại sâu bệnh hại trên thân, quả, lá. Đặc biệt, trong thời kỳ ra hoa tạo quả phải phun liên tục để phòng hoa bị thối, không có khả năng tạo quả hoặc tạo quả kém chất lượng.

2.5. Về lợi ích kinh tế

Qua số liệu điều tra từ 4 xã, đã tổng hợp kết quả thu nhập từ sản xuất cây có múi so với bình quân thu nhập trong năm của hộ, thể hiện ở bảng 3.

Bảng 3. Thu nhập từ cây có múi và bình quân thu nhập trong năm của hộ (Kết quả điều tra cơ bản năm 2010 trên 110 hộ tại 4 xã)

Xã	Cát Quế		Đắc Sở		Yên Sở		Đông La		TB 4 xã	
	Vườn (1000 đ)	TB năm (1000 đ)	Vườn (1000 đ)	TB năm (1000 đ)	Vườn (1000 đ)	TB năm (1000 đ)	Vườn (1000 đ)	TB năm (1000 đ)	Vườn (1000 đ)	TB năm (1000 đ)
Trung bình	30.000	35.000	200.000	220.000	22.000	32.000	30.000	40.000	70.500	81.750
Thấp nhất	5.000	15.000	80.000	85.000	7.000	15.000	10.000	17.000	25.500	33.000
Cao nhất	50.000	70.000	750.000	800.000	35.000	85.000	50.000	100.000	221.250	263.750

Từ số liệu bảng 3 cho thấy thu nhập từ cây có múi đóng vai trò quyết định trong thu nhập của hộ tại 4 xã điều tra. Tuy nhiên, mức thu nhập từ vườn quả cũng như thu nhập bình quân của các hộ trồng cây ăn quả biến động rất lớn. Tại Đắc Sở, diện tích vườn cây ăn quả có múi lớn nhất và thu nhập từ cây có múi cũng cao nhất trong 4 xã điều tra, nhờ các hộ gia đình bán cam Canh và cây cam Canh làm cảnh, bưởi Diễn theo mùa và phạt thủ quanh năm. Đối với Cát Quế và Đông La có mức thu nhập cao hơn Yên Sở là do Cát Quế thu nhập từ bưởi đặc sản Quế Dương và Đông La có đặc sản bưởi ngọt Đông La là hai giống bưởi có giá trị kinh tế cao và đang dần dần được ưa chuộng thay thế bưởi Diễn. Có thể thấy, nếu phát triển kinh tế vườn kết hợp với du lịch sinh thái ở các vùng ven sông Đáy, nên chọn các giống phạt thủ, bưởi địa phương thích hợp với đất đai, dễ tiêu thụ và hiệu quả kinh tế cao.

2.6. Về thị trường tiêu thụ

Vài năm gần đây, các loại quả cây có múi của huyện Hoài Đức được tiêu thụ theo các kênh phân phối như sau: Kênh 1 (5,1%), sản phẩm từ hộ sản xuất bán trực tiếp cho người tiêu dùng; kênh 2 (45,5%), sản phẩm từ hộ sản xuất bán qua thương lái rồi đến người tiêu dùng; kênh 3 (49,4%), sản phẩm từ hộ sản xuất bán cho người thu gom, người thu gom bán lại cho người bán lẻ, sau đó sản phẩm từ người bán lẻ đến người tiêu dùng. Trong đó kênh thứ 2 và 3 là hình thức tiêu thụ được các hộ trồng cây có múi diện tích lớn lựa chọn, vì tiêu thụ qua kênh này, hộ không phải tham gia vào thu hoạch, bảo quản, bán được với khối lượng lớn. Nhìn chung, những giống bưởi chín sớm như bưởi Quế Dương, bưởi Đông La và phạt thủ tiêu thụ khá dễ dàng, trong khi bưởi Diễn, cam Canh còn phải tùy vào chất lượng.

3. Điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong sản xuất cây có múi ở huyện Hoài Đức, Hà Nội

a) Điểm mạnh

Đất đai ở Hoài Đức rất thích hợp cho việc phát triển các vùng chuyên canh cây ăn quả. Các xã ven sông Đáy như Tiên Yên, Đắc Sở, Đông La có phù sa màu mỡ, nước tưới quanh năm, thích hợp cho các loại cây có múi như cam, bưởi...

Người làm vườn Hoài Đức có kinh nghiệm ươm trồng, chiết ghép các giống cây ăn quả, sẵn sàng áp dụng nhiều biện pháp kỹ thuật tiên tiến để cho ra trái mùa, thu hoạch rải vụ.

Hiện nay, vùng bãi sông Đáy diện tích vườn trong mỗi hộ còn khá rộng (khoảng 2-3 sào/hộ), thích hợp cho việc bảo tồn và phát triển nguồn gen bưởi địa phương.

Chăn nuôi ở huyện Hoài Đức phát triển tốt, nhất là chăn nuôi lợn, có hộ nuôi hàng trăm con. Đây là nguồn phân hữu cơ rất tốt cho cây có múi tại địa phương. Tuy vậy, hiện nay nguồn phân bón một số hộ chưa tận dụng hết gây lãng phí và ô nhiễm. Khuyến khích các hộ làm hầm Bioga là giải pháp thích hợp.

b) Điểm yếu

- Sản xuất cây có múi ở huyện còn mang tính manh mún, tự phát, chưa quy hoạch được các vùng sản xuất tập trung nên hiệu quả kinh tế đem lại còn hạn chế. Khâu tiêu thụ sản phẩm chưa được quan tâm, hoàn toàn do các chủ vườn tự lo đầu ra sản phẩm, giá cả phụ thuộc vào thị trường.

- Cơ sở hạ tầng của huyện còn hạn chế: Các vùng trồng cây có múi tập trung vẫn chưa có đường điện sản xuất riêng nên đa số các hộ nông dân phải sử dụng điện sinh hoạt để phục vụ sản xuất; đường giao thông nội đồng chủ yếu là hệ thống đường đất, hẹp gây khó khăn cho việc vận chuyển vật tư sản xuất, vận chuyển sản phẩm tiêu thụ.

Hệ thống kênh mương phục vụ tưới tiêu vẫn chủ yếu là kênh đất cho nên hiệu quả tưới, tiêu rất thấp. Để chủ động nước tưới nhiều hộ nông dân đã khoan giếng để khai thác nước ngầm tưới cây.

- Trên địa bàn huyện vẫn chưa có nhà sơ chế và kho bảo quản các loại quả trước khi mang đi tiêu thụ. Các hộ sản xuất hoặc các hộ thu gom phải tự làm công tác sơ chế, bảo quản, phần nào ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

c) Cơ hội

- Là một huyện được quy hoạch phát triển sản xuất cây ăn quả, hoa - cây cảnh tập trung của thành phố Hà Nội, vì vậy, hàng năm Khuyến nông huyện, Hội Nông dân, HTX tổ chức các buổi tập huấn đã bước đầu tạo cho các hộ nông dân tiếp cận những kiến thức cơ bản và tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất cây có múi. Tuy nhiên, người dân cho rằng phương pháp tập huấn vẫn nói nhiều hơn là thực hành và ít tài liệu kỹ thuật đi kèm.

- Huyện Hoài Đức cách trung tâm Hà Nội khoảng 15 km, là khoảng cách khá lý tưởng cho việc vận chuyển tiêu thụ sản phẩm tới nơi có nhu cầu tiêu thụ bưởi, cam và phật thủ... rất lớn. Các hộ nông dân huyện Hoài Đức không chỉ được chính quyền địa phương quan tâm khuyến khích phát triển bưởi địa phương mà còn được sự quan tâm của một số cơ quan nghiên cứu trong và ngoài nước. Hiện có 1 dự án và 1 đề tài đang thực hiện về bảo tồn và phát triển nguồn gen cây có múi ven sông Đáy. Đây là cơ hội người dân sẽ được hưởng lợi từ những hoạt động như tập huấn nâng cao kiến thức bảo tồn và phát triển nguồn gen bưởi địa phương. Đặc biệt, khi một trong những giống bưởi đang trồng được đăng ký hay quảng bá thương hiệu, đồng nghĩa với việc thu nhập từ bưởi của các hộ sẽ được nâng cao.

d) Thách thức

- Thách thức lớn nhất mà người nông dân đang gặp phải là thời tiết thay đổi thất thường dẫn đến cây ăn quả có múi ra hoa nhưng không đậu quả, hoặc có đậu quả lại bị rụng khi chưa đủ lớn. Điều này ảnh hưởng tới thu nhập của hộ trong suốt cả năm. Ngoài ra còn sâu bệnh, khô hạn, mưa lũ... luôn là những nguy cơ bắt nguồn từ biến đổi khí hậu.

- Dân số và đô thị hóa tăng đồng nghĩa với việc ruộng vườn bị chia nhỏ hay bị chuyển mục đích sử dụng. Hơn nữa theo quy hoạch của thủ đô Hà Nội, huyện Hoài Đức được quy hoạch vùng với những khu đô thị và có đường vành đai 4 sẽ đi qua. Đây cũng là một nguy cơ gây mất nguồn gen cây trồng ở Hà Nội nói chung và huyện Hoài Đức nói riêng.

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm cam, quýt, bưởi ngày càng diễn ra sự cạnh tranh mạnh mẽ khi đất nước ta bước vào thời kỳ hội nhập, nông sản từ bên ngoài tràn vào thị trường, với số lượng và chất lượng cao. Mặc dù nhu cầu tiêu dùng bưởi của con người ngày càng tăng lên khi đời sống tăng nhưng cùng với nó yêu cầu về sản phẩm cũng ngày càng cao. Hơn nữa phải đảm bảo là sản phẩm sạch, đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn. Trong khi đó hầu hết sản phẩm cây có múi hiện nay hầu hết các hộ sản xuất chưa tuân thủ quy trình sản xuất sạch, quá trình thu hái và bảo quản sản phẩm nhiều lúc chưa được đảm bảo làm ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng và mẫu mã sản phẩm.

4. Giải pháp phát triển sản xuất cây có múi ở huyện Hoài Đức

Từ những kết quả đã phân tích ở trên, một số giải pháp được đề xuất như sau:

- Quy hoạch vùng trồng cây có múi.

Quy hoạch vùng phát triển bưởi, cam, quýt, phật thủ phù hợp trong quy hoạch

phát triển kinh tế xã hội của các xã thuộc huyện Hoài Đức. Quy hoạch phải thể hiện khả năng phát triển của các loại cây ăn quả đặc sản gắn với du lịch sinh thái vườn, trong đó tập trung sản xuất bưởi Diễn, cam Canh, bưởi đường Quế Dương, Đông La, phật thủ Đắc Sở. Cần xác định cơ cấu, tỷ lệ trồng giống bưởi Diễn và các giống bưởi địa phương có tiềm năng cho hợp lý, đảm bảo tính đa dạng, tránh rủi ro trong sản xuất. Tại Cát Quế, cùng với Trung tâm Tài nguyên thực vật, địa phương cần xây dựng một số vườn bảo tồn đa dạng nguồn gen bưởi ven sông Đáy.

- Tăng cường công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật về duy trì giống gốc, cây đầu dòng và kỹ thuật canh tác, quản lý giống cây ăn quả có múi theo hướng VietGAP.

Trong kỹ thuật canh tác vườn cây cần chú ý 3 nhóm yếu tố sau:

Duy trì giống: Kết hợp kinh nghiệm truyền thống với nghiên cứu các biện pháp gìn giữ và bảo tồn những cây đầu dòng của bưởi Diễn, bưởi đường Quế Dương, Đông La, cam Canh, phật thủ tại một số vườn bảo tồn.

Kỹ thuật cải tạo vườn đất, trồng và chăm sóc theo hướng VietGAP: Tuyệt đối không sử dụng giống cây không rõ nguồn gốc, khi trồng phải đảm bảo mật độ, áp dụng các biện pháp tưới nước, bón phân đúng quy trình, thực hiện phòng trừ tổng hợp, tiêu diệt nguồn lây bệnh.

Cải tiến phương pháp thu hoạch, bảo quản sau thu hoạch: Quả bưởi, cam, quýt thu hoạch đúng cách. Sau thu hoạch chưa bán ngay cần áp dụng các biện pháp khoa học công nghệ bảo quản nhằm nâng cao giá trị và chất lượng sản phẩm.

- Đẩy mạnh công tác khuyến nông về nghề làm vườn.

So sánh với những khó khăn trong tổ chức nghề làm vườn như thiếu đất đai thì sự am hiểu về nghề làm vườn của người dân là yếu tố quan trọng. Đặc biệt trong xu thế phát triển hiện nay, vai trò của công tác khuyến nông, hội nông dân phải được phát huy trong việc xây dựng các lớp học, tổ chức các hội thảo chuyên đề, hội nghị tham gia mô hình... Tổ chức các tổ hợp tác làm nơi tiếp nhận và áp dụng chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho nông dân. Đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền, khuyến khích người dân tận dụng nguồn lực đất đai như vườn nhà, đất nông nghiệp của địa phương để chuyển đổi sang trồng cây quả có múi.

- Bảo tồn đa dạng nguồn gen cây có múi.

Nâng cao nhận thức của người dân cũng như các cấp chính quyền địa phương trong việc giữ gìn nguồn gen, cần có chính sách bảo tồn và phát triển các giống cây ăn quả có múi đặc sản như cam Canh, bưởi đường Đông La, bưởi Quế Dương, phật thủ..., đặc biệt là những cây đầu dòng tuyển chọn có chất lượng cao. Đối với cây đầu dòng cần được hỗ trợ kỹ thuật để chống sâu bệnh, có giải pháp chiết, ghép mắt để nhân giống và lưu giữ nguồn gen. Đề nghị các trường đại học, viện nghiên cứu quan tâm thu thập các nguồn gen quý của huyện Hoài Đức về lưu giữ kíp tại các vườn bảo tồn để kịp thời nhân giống khi người dân có nhu cầu trồng.

- Giải pháp chính sách

Huyện Hoài Đức nên xây dựng chính sách khuyến khích các hộ tích tụ ruộng đất để phát triển cây ăn quả có múi theo hướng hàng hóa, hỗ trợ nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ

thuật vùng trồng cây có múi. Có chính sách hỗ trợ chủ vườn trong khâu tiêu thụ sản phẩm, xây dựng thương hiệu, định hướng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Tạo điều kiện giúp các chủ vườn tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi để có nguồn vốn đầu tư sản xuất lớn. Hỗ trợ cộng đồng xây dựng thương hiệu bưởi đường Quế Dương, Đông La, cam Canh nâng cao giá trị thương mại, đưa sản phẩm bưởi đường, cam Canh đến tay người tiêu dùng, hướng tới xuất khẩu, tránh sự trà trộn của các sản phẩm khác loại. Các hộ nông dân, trang trại sản xuất phải hợp tác, liên kết với nhau, xây dựng chuỗi cung ứng từ nơi sản xuất đến các siêu thị, đại lý phân phối có uy tín. Tiến tới xây dựng “chi dẫn địa lý” cho sản phẩm bưởi đường Đông la, bưởi đường Quế Dương và cam Canh.

IV. KẾT LUẬN

Điều kiện tự nhiên, đất đai của huyện Hoài Đức phù hợp với việc phát triển cây có múi phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng của Hà Nội và khách du lịch. Cộng đồng địa phương có truyền thống trồng và khai thác sử dụng khá tốt các nguồn gen bưởi phục vụ sinh kế, nâng cao thu nhập của hộ gia đình. Huyện Hoài Đức có sự đa dạng về nguồn gen và giống các loài cây quả có múi, trong đó có một số giống địa phương từ lâu đời, có tiếng như cam Canh, bưởi đường Đông La và bưởi Quế Dương, cần được khôi phục và phát triển. Đây là một trong những tiền đề quan trọng để phát triển sản xuất bền vững cây có múi của Hoài Đức.

Sản xuất cây có múi, đặc biệt là bưởi, cam Canh và phật thủ là loại cây mang tính đặc sản, chính quyền địa phương quan tâm khuyến khích phát triển giống địa phương đưa lại thu nhập cao cho người trồng tại

huyện Hoài Đức. Tuy nhiên hiện nay sản xuất cây có múi vẫn còn gặp không ít khó khăn và chịu tác động của nhiều nhân tố. Vì vậy, để phát triển sản xuất bền vững cây có múi đặc sản cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp là: Giải pháp về quy hoạch vùng sản xuất gắn với du lịch sinh thái, giải pháp tăng cường ứng dụng tiến bộ kỹ thuật canh tác thích ứng với thay đổi khí hậu, giải pháp về bảo tồn và phát triển đa dạng nguồn gen cây có múi có chất lượng cao, giải pháp chính sách, hỗ trợ sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, đặc biệt quan tâm đến khâu liên kết trong sản xuất, xây dựng và quảng bá thương hiệu của một số giống cây đặc sản, chất lượng cao đẩy mạnh khâu tiêu thụ hướng ra xuất khẩu để tăng giá trị của sản phẩm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Boun Keua Vong Sa Lath, Nguyễn Văn Bộ, Hoàng Ngọc Thuận (2004), *Kết quả điều tra về tình hình sản xuất cây có múi ở Hà Nội*. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 4, tr.490-491.
2. Callub, B.M.(2003). Participatory Rural Appraisal. *Guidebooks. Farming Systems and Soil Resources Institute*, University of the Phillipines, Losbanos. Pp.80.
3. Nguyễn Khắc Quỳnh, Nguyễn Thị Ngọc Huệ, Vũ Văn Tùng (2009). *Báo cáo điều tra đa dạng nguồn gen và tình hình sản xuất bưởi ở xã Cát Quế, Hoài Đức, Hà Nội*. Báo cáo Dự án VN/SGP/OP4/Y2/CORE/09/004.
4. Ủy ban Nhân dân huyện Hoài Đức (2011), *Báo cáo thống kê năm 2010*.

Người phản biện:

TS. Phạm Xuân Liêm

KẾT QUẢ CHỌN TẠO VÀ KHẢO NGHIỆM GIỐNG HOA CẨM CHƯỚNG D06.9

Phạm Xuân Tùng, Tường Thị Lý, Cao Đình Dũng,
Chu Thị Phương Loan, Đào Trọng Đức

SUMMARY

Results from breeding and evaluation of new carnation variety D06.9

Carnation variety D06.9 was selected in 2006 from the cross between the imported varieties White Barbara as female and Optima as male parent. After clean-up by meristem culture and initial rapid propagation for planting material, it was evaluated in standards variety trials during Spring-Summer season 2008 and Winter-Spring 2009-2010. The results obtained showed that D06.9 is a promising carnation variety with high yield potential of attractive beautiful flowers (30 flowers/m²/month), high level of resistance to white rust by *Uromyces dianthi* and wilting by *Fusarium oxysporum f. sp. dianthi*. The flowers of D06.9 is characterized by double, deep pink flowers with specific pleasant aroma, setting on 80-90cm tall sturdy and very strong branches. In test production plots in farmers' gardens at Dalat during the Winter-Spring 2009-2010 and Spring-Summer 2010, D06.9 carnation gained high growers' and market acceptance for its high yield potential, disease and pest resistance and flower quality characteristics.

Keywords: carnation, variety, evaluation, variety trial, test production, resistance, yield potential,

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cẩm chướng (*Dianthus caryophyllus* L.) là loại hoa cắt cành có giá trị, được ưu chuộng và trồng ở một số vùng có khí hậu mát lạnh ở nước ta. Tại Đà Lạt, Lâm Đồng, với điều kiện khí hậu thuận lợi, loại hoa này được sản xuất quanh năm với chất lượng cao, ổn định và vượt trội so với hầu hết các vùng khác. Cẩm chướng cũng là loại hoa cắt cành có tiềm năng xuất khẩu lớn cho thị trường khu vực và quốc tế.

Cho đến nay, giống hoa cắt cành sản xuất nói chung và giống hoa cẩm chướng nói riêng được sản xuất tại nước ta hầu hết là giống nhập nội. Tình hình thực tế thời gian qua cho thấy vấn đề bảo hộ quyền tác giả giống theo công ước quốc tế (UPOV, Văn kiện năm 1991) là vấn đề còn chưa được tính đến do bối cảnh chưa hội nhập hoàn toàn của nước ta với môi trường đầu tư, kinh doanh của thế giới. Gần đây, Nhà nước ta cũng đã có những động thái quan trọng chính thức gia nhập UPOV (Chính phủ, 2001; Bộ NN & PTNT, 2003) nhằm thực hiện bảo hộ quyền tác giả giống cây trồng mới. Chọn tạo giống

hoa mang bản quyền trong nước sẽ tạo điều kiện thuận lợi để nước ta phát triển sản xuất và tham gia xuất khẩu hoa trong tương lai. Chương trình chọn tạo giống hoa cẩm chướng của Trung tâm Nghiên cứu Khoai tây, Rau & Hoa (TT NCKT,R&H) đã cho ra đời nhiều giống có triển vọng đưa vào sản xuất. D09.9 là giống đã được Cục Trồng trọt đặc cách công nhận chính thức cho sản xuất rộng rãi tại Quyết định số 206/QĐ-TT-BPPN ngày 11 tháng 5 năm 2011. Bài viết này trình bày kết quả lai tạo, chọn lọc, khảo nghiệm và sản xuất thử giống D06.9.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1 Vật liệu lai tạo

Giống D06.9 được chọn từ tổ hợp lai White Barbara x Optima. Hai giống này được nhập vào Đà Lạt năm 2003, có một số đặc tính nông học và kháng sâu bệnh hại tốt, đang được sản xuất rộng rãi do có kiểu dáng và màu sắc đẹp, được người sản xuất và thị trường ưa chuộng. Bảng 1 trình bày một số đặc điểm hình thái của các giống bố mẹ của D06.9.